

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO THẮNG
TỈNH LÀO CAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2020/DS-ST

Ngày 14-02-2020

Về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Trung Dũng.
2. Ông Nguyễn Công Chiêu.

Thư ký phiên tòa: Ông Hà Tiến Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2019/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2019 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Quyết định ngừng phiên tòa số 01/2020/QĐST-DS ngày 16/01/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H - Sinh năm: 1968 và chị Nguyễn Thị H - Sinh năm: 1984.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai - cùng có mặt.

Bị đơn: Ông Bùi Đức T - Sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị H - Sinh năm: 1970.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H là ông Bùi Đức T.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai - có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/9/2019 và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H đều trình bày:

Ngày 30/12/1996, gia đình anh chị được UBND huyện B, tỉnh Lào Cai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn H đối với thửa 84 và thửa 115 cùng tờ bản đồ P58, trong đó thửa 115 có diện tích là 1052m², các thửa đất cùng địa chỉ thôn Phú An 1, xã Phú Nhuận, huyện Bảo Thắng. Quá

trình sử dụng thì gia đình ông T đã lấn chiếm một phần diện tích đất tại thửa 115 của gia đình anh, chị.

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 07/10/2019, nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả lại diện tích đất lấn chiếm là 59m² tại thửa 115 tờ bản đồ P58. Sau khi Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ, xác định diện tích đất lấn chiếm là 36m² tại thửa 115 tờ bản đồ P58. Do đó nguyên đơn nhất trí đối với diện tích đất tranh chấp đã xem xét thẩm định, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả lại diện tích đất lấn chiếm là 36m² tại thửa 115 tờ bản đồ P58, trên đất không có tài sản gì. Anh H, chị H cũng xác định, ban đầu anh chị có sự nhầm lẫn về số thửa và diện tích tranh chấp nên quá trình giải quyết vụ án đã đề nghị Tòa án xem xét thẩm định lại để xác định chính xác số thửa và diện tích tranh chấp. Ông T, bà H cũng nhất trí trả lại diện tích đất tranh chấp là 36m² tại thửa 115 tờ bản đồ P58. Tuy nhiên nguyên đơn không đồng ý thỏa thuận vì không nhất trí với mốc giới, ranh giới tại thực địa, nguyên đơn cho rằng diện tích đất tại thực địa mà bị đơn đồng ý trả không đủ 36m² mà chỉ có 29,2m², còn thiếu 6,8m². Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi ý kiến là: đã tự tính toán lại số liệu, cho rằng diện tích ông T đồng ý trả chưa đủ 36m² chỉ có 22,94m², còn thiếu 13,06m², vì vậy nguyên đơn không nhất trí thỏa thuận với bị đơn mà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa thì ông Bùi Đức T và là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H trình bày:

Năm 2016 gia đình ông nhận chuyển nhượng đất của bà Nguyễn Thị M (vợ ông Nguyễn Quang S), trong đó có thửa 117 tờ bản đồ P58 có diện tích đất ở là 400m², đất trồng cây lâu năm là 1228m², toàn bộ diện tích đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Quang S từ năm 1999. Năm 2016, gia đình ông làm thủ tục sang tên và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Sau khi nhận chuyển nhượng thì vợ chồng ông sử dụng ổn định đến đầu năm 2019 thì phát sinh tranh chấp. Sau khi Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ thì gia đình ông mới biết đã lấn chiếm diện tích đất là 36m² tại thửa 115 tờ bản đồ P58 của gia đình anh Nguyễn Văn H. Ông T và bà H cũng nhất trí trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là 36m² theo vị trí tứ cận đã xem xét thẩm định tại chỗ, ông cho rằng có sự nhầm lẫn về mốc giới tại thửa đất 117 tờ bản đồ P58, gia đình ông chỉ cắm mốc chứ chưa sử dụng gì. Tuy nhiên gia đình anh H không nhất trí với mốc giới đã được xác định mà cho rằng gia đình ông chưa trả đủ diện tích lấn chiếm là 36m² như anh H đã trình bày tại phiên tòa, do đó hai bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông T nhất trí với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, xác định diện tích đất tranh chấp và vị trí tứ cận như đã xem xét thẩm định là chính xác.

Việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn, bị đơn đã được UBND xã Phú Nhuận, huyện Bảo Thắng hòa giải nhưng không thành. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa các đương sự đều giữ nguyên quan điểm của mình như đã trình bày nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng các quy định của pháp luật về thủ tục Tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều chấp hành tốt các định của pháp luật của khi tham gia tố tụng;

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đề nghị giải quyết buộc bị đơn trả lại diện tích đất lấn chiếm là 36m² tại thửa 115 tờ bản đồ P58 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bị đơn cũng nhất trí trả lại diện tích đất lấn chiếm theo đúng tứ cận đã được xem xét thẩm định tại chỗ. Tuy nhiên các đương sự không thỏa thuận được với nhau, nguyên đơn cho rằng mốc giới đã xác định tại thực địa chưa đủ diện tích là 36m² mới chỉ được 29,2m², còn thiếu 6,8m². Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi ý kiến cho rằng, ông T chưa trả đủ 36m², mới được 22,94m² còn thiếu 13,06m², do đó nguyên đơn không đồng ý thỏa thuận với bị đơn mà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành xem xét thẩm định và xác định diện tích đất tranh chấp và vị trí tứ cận không thay đổi. Tại phiên tòa nguyên đơn xác định số liệu do tự tính toán và không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh, do đó việc nguyên đơn tự đo đạc và xác định vị trí tứ cận đã xác định tại thực địa không đủ 36m² là không có căn cứ. Hơn nữa, căn cứ mốc giới anh H, chị H xác định tại thực địa đối với vị trí đất cho rằng còn thiếu trong tổng số 36m² đang có tranh chấp thì vị trí đất này thuộc thửa 117 tờ bản đồ P58 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị H (vợ ông Bùi Đức T). Vì vậy chỉ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lại diện tích đất tranh chấp là 36m² có vị trí tứ cận theo đúng biên bản đã xem xét thẩm định trong quá trình giải quyết vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 203 Luật đất đai 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Bùi Đức T và bà Nguyễn Thị H phải trả lại diện tích đất lấn chiếm là 36m² tại thửa 115 tờ bản đồ P58 đã được UBND huyện Bảo Thắng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn H theo vị trí, tứ cận đã xem xét thẩm định;

Về chi phí xem xét thẩm định: Do các đương sự tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Đề nghị tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự trong vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H khởi kiện về việc tranh chấp quyền sử dụng đất với bị đơn là ông Bùi Đức T, bà Nguyễn Thị H đảm bảo điều kiện theo quy định. Diện tích đất tranh chấp tại xã Phú Nhuận, huyện Bảo Thắng. Vì vậy đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp quyền sử dụng đất:

Về nguồn gốc đất tranh chấp:

Diện tích đất tranh chấp là 36m² có vị trí tứ cận như đã xem xét thẩm định tại chỗ thuộc thửa số 115 tờ bản đồ P58 đã được UBND huyện Bảo Thắng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 665264 ngày 30/12/1996 mang tên anh Nguyễn Văn H. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp nên nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Việc lấn chiếm đất cũng không gây thiệt hại gì nên nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

Về hiện trạng sử dụng đất:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần xem xét thẩm định tại chỗ theo yêu cầu của nguyên đơn. Theo bản đồ địa chính thì thửa 115 tờ bản đồ P58 có diện tích là 1612m², trong đó có 1052m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn Văn H. Sau khi đo đạc và kiểm tra tại thực địa thì vị trí mốc giới tại thực địa đúng theo bản đồ địa chính và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không chồng lấn với diện tích đất của các hộ liền kề.

Căn cứ biên bản xem xét thẩm định, trên cơ sở mốc giới do nguyên đơn xác định tại thực địa đối với thửa 115 tờ bản đồ P58 thì luôn có diện tích đất lớn hơn diện tích theo bản đồ địa chính gồm cả diện tích của hành lang giao thông và hành lang mương thủy lợi, tuy nhiên không chồng lấn vào các thửa đất khác. Tại phiên tòa ngày 16/01/2020, nguyên đơn đề nghị xem xét thẩm định lại đối với diện tích tranh chấp là 36m² tại thửa 115 tờ bản đồ P58, Hội đồng xét xử đã ngừng phiên tòa để xem xét lại diện tích đất tranh chấp. Sau nhiều lần xem xét thẩm định tại chỗ thì xác định diện tích đất tranh chấp vẫn là 36m² có vị trí tứ cận không thay đổi, thửa 115 tờ bản đồ P58 có diện tích là 1052m² (bao gồm cả diện tích đất tranh chấp) có vị trí tứ cận tại thực địa đúng như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh Nguyễn Văn H ngày 30/12/1996.

Khi xem xét thẩm định, thấy rằng: một phần diện tích là 66m² trong tổng diện tích 1052m² của thửa 115 tờ bản đồ P58 giáp với thửa 222, tờ bản đồ P57, hiện trạng thì vị trí đất này do gia đình bà Đoàn Thị Lỗi đang sử dụng, trên đất không có tài sản gì. Khi tự xác định mốc giới thì anh H, chị H cho rằng đó không phải đất của gia đình mình, sau đó lại cho rằng có sự nhầm lẫn mốc giới và nhất trí xác định diện tích đó nằm trong thửa 115 tờ bản đồ P58, tại phiên tòa thì nguyên đơn lại thay đổi ý kiến, cho rằng vị trí đó không nằm trong thửa 115 tờ bản đồ P58.

Tòa án đã có văn bản làm việc với gia đình bà Đoàn Thị Lỗi và gia đình bà Lỗi nhất trí với mốc giới đã xem xét thẩm định để xác định đúng với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai gia đình, các bên cũng không tranh chấp gì và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh H, chị H có làm giấy viết tay chuyển nhượng một phần diện tích đất tại thửa 115 (giáp thửa 117 của gia đình ông Bùi Đức T) cho hộ anh Nguyễn Trọng Tuấn, trong giấy chỉ ghi: chiều rộng theo đường tỉnh lộ 151 là 5m, chiều dài là 30m tính cả hành lang giao thông và hành lang mương thủy lợi, hai bên chưa làm thủ tục tách thửa và chuyển nhượng theo quy định. Quá trình xem xét thẩm định thì

nguyên đơn và gia đình anh Tuấn cũng có sự thay đổi khi xác định mốc giới đối với vị trí đất chuyển nhượng, do đó có sự khác nhau về diện tích đất mà gia đình anh Tuấn đang sử dụng. Tuy nhiên anh Tuấn và gia đình anh H đều có ý kiến là các bên không tranh chấp về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Sau khi nhận chuyển nhượng đất của gia đình anh H thì anh Tuấn đã xây dựng nhà ở trên diện tích đất nhận chuyển nhượng, quá trình xem xét thẩm định xác định có một phần công trình xây dựng trên diện tích đất là 12m² thuộc thửa 117, tờ bản đồ P58 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị H, vợ ông Bùi Đức T. Gia đình anh H không nhất trí và cho rằng gia đình anh không lấn chiếm đất của gia đình ông T. Anh Tuấn và ông T cũng có ý kiến là muốn tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Về diện tích đất tranh chấp:

Sau khi đo đạc bằng máy toàn đạc điện tử và đối chiếu với bản đồ địa chính, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh Nguyễn Văn H, xác định diện tích tranh chấp là 36m² thuộc thửa 115, tờ bản đồ P58 đã được UBND huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 665264 ngày 30/12/1996 mang tên Nguyễn Văn H tại thôn Phú An 1, xã Phú Nhuận, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai có vị trí tứ cận như sau:

- Phía Tây Bắc + Đông Bắc, giáp thửa 115 đất ông Nguyễn Văn H có cạnh kích thước 22,28m + 36,3m.

- Phía Đông giáp thửa 117 tờ bản đồ P58 (Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H), cạnh kích thước là 0,5m,

- Phía Tây Nam giáp thửa 117 tờ bản đồ P58 (Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H) và thửa 116 (Ông T đang sử dụng), cạnh kích thước là 37,65m + 20,75m.

Hiện trạng là đất trống, trên đất không có tài sản gì.

Diện tích đất tranh chấp và vị trí tứ cận nêu trên không thay đổi số liệu trong các biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, không có sự chồng lấn giữa các thửa đất, vị trí mốc giới đã xác định tại thực địa (gồm cả diện tích đất tranh chấp) đúng với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa 115 tờ bản đồ P58, đảm bảo đủ diện tích 1052m². Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập toàn bộ hồ sơ pháp lý liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nguyên đơn và bị đơn. Tại văn bản số 2344/UBND-TNMT ngày 20/12/2019 của UBND huyện Bảo Thắng và bản sao hợp pháp toàn bộ hồ sơ pháp lý liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn và bị đơn xác định: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình anh H và hộ ông T được thực hiện theo đúng quy định, căn cứ vào bản đồ địa chính đo đạc năm 1993, theo hiện trạng sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân tại thời điểm đo đạc đã được Sở Tài nguyên và môi trường phê duyệt. Năm 1999, ông Nguyễn Quang Sính được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và năm 2016 hộ bà Nguyễn Thị H (vợ ông Bùi Đức T) nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa 117 tờ bản đồ P58 của gia đình ông Sính theo đúng hồ sơ địa chính gốc đã được giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/9/1999 cho ông Nguyễn Quang Sính.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và thực tế sử dụng đất sau khi xem xét thẩm định tại chỗ có đủ căn cứ xác định diện tích đất tranh chấp là 36m² thuộc thửa 115, tờ bản đồ P58 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn H. Diện tích đất tranh chấp đã được đo đạc nhiều lần bằng máy toàn đạc điện tử có độ chính xác cao và không thay đổi kết quả trong các biên bản xem xét thẩm định tại chỗ. Hơn nữa vị trí và diện tích đất tranh chấp tại thực địa không vuông vắn, các cạnh kích thước không bằng nhau, là khu vực taluy dốc, do đó việc anh H và chị H tự sử dụng thước dây để đo đạc dẫn đến kết quả sai lệch so với kết quả của Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ. Vì vậy anh H, chị H cho rằng vị trí tứ cận đã xác định tại thực địa không đủ 36m² là không có căn cứ chấp nhận. Hơn nữa, căn cứ mốc giới anh H, chị H xác định tại thực địa đối với vị trí đất cho rằng còn thiếu trong tổng số 36m² đang có tranh chấp thì vị trí đất này thuộc thửa 117 tờ bản đồ P58 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị H (vợ ông Bùi Đức T).

Vì vậy chỉ chấp yêu cầu khởi kiện của anh H và chị H về việc buộc ông T, bà H trả lại diện tích đất là 36m² tại thửa 115 tờ bản đồ P58 có vị trí tứ cận như đã nêu trên.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thỏa thuận và tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Xác nhận các đương sự đã nộp đủ chi phí xem xét thẩm định và đã chi phí hết theo quy định.

[4] Về án phí: Nguyên đơn là anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Bùi Đức T và bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 203 Luật đất đai 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội .

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H, buộc ông Bùi Đức T và bà Nguyễn Thị H phải trả lại diện tích đất lấn chiếm là 36m² tại thửa 115 tờ bản đồ P58 (số 665264) đã được UBND huyện Bảo Thắng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/12/1996 mang tên anh Nguyễn Văn H tại thôn Phú An 1, xã Phú Nhuận, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, có vị trí tứ cận cụ thể như sau:

- Phía Tây Bắc + Đông Bắc, giáp thửa 115 đất ông Nguyễn Văn H có cạnh kích thước 22,28m + 36,3m.

- Phía Đông giáp thửa 117 tờ bản đồ P58 (Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H), cạnh kích thước là 0,5m,

- Phía Tây Nam giáp thửa 117 tờ bản đồ P58 (Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H) và thửa 116 (Ông T đang sử dụng), cạnh kích thước là 37,65m + 20,75m.

Hiện trạng là đất trống, trên đất không có tài sản gì.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho anh H và chị H số tiền tạm ứng án phí

dân sự sơ thẩm do anh Nguyễn Văn H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0009717 ngày 07/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Ông Bùi Đức T và bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Thắng (2);
- THADS huyện Bảo Thắng;
- UBND xã Phú Nhuận;
- Đương sự (03);
- Lưu hồ sơ, văn phòng, TQĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoàng Liên

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND; VKSND tỉnh;
- VKSND huyện BT;
- THADS huyện BT;
- UBND xã Trì Quang;
- Dương sự (02);
- Lưu HS, TA, VP .

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoàng Liên